

NÉT ĐỘC ĐÁO CỦA QUY PHẠM PHÁP LUẬT TRONG BỘ LUẬT HỒNG ĐỨC



Bộ luật Hồng Đức là bộ luật thành văn nổi tiếng và có giá trị bậc nhất trong cổ pháp Việt Nam. Bộ luật này gồm 722 Điều, được chia làm 13 Chương, đa phần các điều luật được xây dựng theo phương thức cả 3 bộ phận là giả định, quy định và chế tài đồng thời xuất hiện trực tiếp, thậm chí ngay trong cùng một Điều luật.

1. Muốn xây nhà phải có gạch, từng viên gạch trong tòa nhà pháp luật chính là các qui phạm pháp luật. Một qui phạm pháp luật thường rất chặt chẽ vì xét về mặt logic nó gồm có 3 bộ phận là giả định, qui định và chế tài. Giả định trả lời câu hỏi chủ thể nào, thời gian nào, hoàn cảnh nào phải thực hiện pháp luật? Bộ phận qui định trả lời câu hỏi nếu đặt vào hoàn cảnh đã nêu ở phần giả định thì chủ thể đó sẽ phải xử sự như thế nào, và bộ phận chế tài trả lời câu hỏi trường hợp không xử sự đúng yêu cầu đó thì chủ thể sẽ phải gánh chịu những hậu quả bất lợi như thế nào?

Bộ luật Hồng Đức là bộ luật thành văn nổi tiếng và có giá trị bậc nhất trong cổ pháp Việt Nam. Bộ luật này gồm 722 Điều, được chia làm 13 Chương, đa phần các điều luật được xây dựng theo phương thức cả 3 bộ phận là giả định, quy định và chế tài đồng thời xuất hiện trực tiếp, thậm chí ngay trong cùng một Điều luật.

Chẳng hạn như:

Điều 586 có ghi: “Trâu của 2 nhà đánh nhau, con nào chết thì 2 nhà cùng ăn thịt, con nào sống thì 2 nhà cùng cày, trái luật thì sẽ xử phạt 80 trượng”. Trong đó: trâu của 2 nhà đánh nhau là giả định; con nào chết thì 2 nhà cùng ăn thịt, con nào sống thì 2 nhà cùng cày là quy định; trái luật thì sẽ xử phạt 80 trượng là chế tài.

Hoặc, Điều 89: “Trước sau ngày hoàng đế lên ngôi một tháng, cấm các nhà ở trong kinh thành cử hành việc tang, người nào phạm phải thì phạt 50 roi, biếm một tư”. Trong đó: Trước sau ngày hoàng đế lên ngôi một tháng là giả định; cấm các nhà ở trong kinh thành cử hành việc tang là qui định; trái luật thì sẽ xử phạt 80 trượng là chế tài.

Với cách mô tả hành vi vi phạm pháp luật và chế tài đối với chủ thể thực hiện hành vi đó rõ ràng như vậy, người dân sẽ biết được hành vi nào nên làm, hành vi nào nên tránh. Quan xử án cũng biết được cần phải xử như thế nào, mức cụ thể ra sao.

Tính chất cụ thể, rõ ràng của cách diễn đạt thể hiện rất rõ ở việc mô tả ngắn gọn lại một tình huống cụ thể. Thí dụ như điều 393: “Người cha lấy vợ trước sinh được một con trai, phần hương hỏa đã giao cho giữ; nhưng người con trai ấy lại chỉ sinh được một người con gái; mà cha có vợ lẽ hay nàng hầu lại sinh được một con trai nhưng lại bị cố tật, người con trai cố tật ấy sinh được cháu trai, thì ruộng đất hương hỏa phải giao cho người cháu trai con kẻ cố tật, để tỏ ra rằng dòng họ không thể để tuyệt.”. Hoặc thí dụ, Điều 395: “Cha mẹ sinh được hai con trai, người con trai trưởng chỉ sinh con gái, con thứ lại có con trai thì phần hương hỏa giao cho con trai người con thứ; nhưng con trai người con thứ chỉ sinh cháu gái thì phần hương hỏa trước kia lại phải giao trả cho con gái người con trưởng”. Ưu điểm của cách qui định ngắn gọn một tình huống, ngoài việc dễ thuộc, dễ nhớ, dễ vận dụng còn cho thấy từ một vấn đề pháp lý khá phức tạp đã được chuyển hóa thành một tình huống rất đơn giản.

2. Một nét đặc sắc khác trong quy phạm pháp luật của Bộ luật Hồng Đức chính là cách qui định chế tài dưới dạng chế tài cố định. Nghĩa là với mỗi một vi phạm cụ thể thì có một hình phạt cụ thể tương ứng; mức độ tăng

nặng hay giảm nhẹ cũng được quy định ngay sau đó một cách cụ thể, rõ ràng.

Ví dụ như điều 466 quy định: “Đánh gãy răng, sút tai mũi, chột 1 mắt, gãy ngón chân, ngón tay, giập xương, hay lấy nước sôi, lửa làm người bị thương và rụng tóc, thì xử tội đồ làm khao đình. Lấy đồ bắn thiêu ném vào đầu mặt người ta thì xử biếm 2 tư; đổ vào miệng mũi thì biếm 3 tư. Đánh gãy 2 răng, 2 ngón tay trở lên thì xử tội đồ làm tượng phường binh. Lấy gươm giáo đâm chém người, dẫu không trúng cũng phải lưu đi châu gần (người quyền quý phạm tội thì xử tội biếm). Nếu đâm chém bị thương và làm đứt gân, chột 2 mắt, dọa thai thì xử tội lưu đi châu xa. Nếu trong khi đương xét hỏi, người bị thương lại bình phục, thì tội nhân được giảm tội 2 bậc. Nếu đánh bị thương 2 người trở lên và nhân bị thương mà thành cố tật, hay đánh đứt lưỡi, huỷ hoại âm, dương vật đều xử tội giảo; và phải đền tiền thương tổn như lệ định”. Với chế tài cố định này, nó đã đảm bảo tính chính xác trong việc áp dụng luật của các cơ quan Nhà nước, tránh được sự tùy tiện trong việc áp dụng luật.

3. Làm luật quan trọng nhất là dự đoán được các vấn đề phát sinh. Dự đoán tốt, luật sẽ có sức sống lâu dài. Trong Bộ luật Hồng Đức từ một sự kiện hay vụ việc, nhà làm luật đã khéo léo lường tính các vấn đề phát sinh xung quanh vụ việc đó. Thí dụ, Điều 234: “Những quan coi quân đội ở các trấn, lộ hay huyện cùng những quan viên trong các cục các viện, đi lại giao kết với nhau, mưu làm việc phản nghịch, mà quan ty quản giám chẳng lưu tâm xem xét, hay dung túng giấu giếm không tâu lên, thì cùng với người phản nghịch cùng một tội; nếu đã tâu lên mà lại ngậm sai người báo cho kẻ phản nghịch biết thì tội cũng thế. Nếu vì tâu lên không giữ kín đáo để cho kẻ phản nghịch biết thì viên quan tâu được giảm tội 1 bậc. Nếu việc mưu phản nghịch đã lộ, việc hung ác đã rõ, mà quan giám không xét tình thế mà lung bắt và tâu lên, thì bị tội như tội đồng mưu; nếu việc mưu

phản chưa lộ thì được giảm nhẹ hai bậc.”.

(II) Cách diễn đạt qui phạm pháp luật hiện hành

Thực tế qui phạm pháp luật hiện hành thường không xuất hiện đầy đủ, trực tiếp cả ba bộ phận giả định, qui định và chế tài mà thông thường chỉ thể hiện một cách trực quan hai bộ phận trong một qui phạm đó là giả định và qui định hoặc giả định và chế tài.

Ví dụ 1: Điều 60 Luật Hôn nhân và gia đình 2000: “Khi ly hôn, nếu một bên túng thiếu có yêu cầu cấp dưỡng mà có lý do chính đáng, thì bên kia có nghĩa vụ cấp dưỡng theo khả năng cấp dưỡng”

Ví dụ 2: Điều 151 Bộ luật hình sự 1999 có quy định: “Người nào ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu hoặc người có công nuôi dưỡng mình gây ra hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị xử phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 3 tháng đến 3 năm.”

Như vậy, ví dụ thứ nhất chỉ xuất hiện trực tiếp 2 bộ phận là Giả định và Qui định. Khá nhiều người dân hiện nay do không có điều kiện tiếp cận một cách cơ bản về luật học nên họ có suy nghĩ rằng qui phạm qui định như ở Điều 60 đến đó là hết, nhiều người còn hiểu rất nguy hiểm rằng như vậy luật chỉ mang tính chất khuyên răn, không cấp dưỡng cũng không sao?! Họ không hề biết rằng, đây là hình thức gửi chế tài, chế tài đã được gửi ở cuối văn bản ở Chương xử lý vi phạm, hoặc được dẫn chiếu đến văn bản pháp luật khác có liên quan, có thể là Bộ luật, Luật hoặc một văn bản hướng dẫn khác. Ai phải thi hành, tuân thủ pháp luật nếu không phải là những người dân, mà cách qui định thường thấy như lâu nay, người

dân dễ gì tiếp cận, mà tiếp cận nó thì dễ gì để hiểu, mà chưa hiểu thì nói gì đến việc làm đúng được.

Ví dụ thứ hai, bộ phận qui định đã bị ẩn đi, người ta gọi đó là qui định ẩn, vì theo cách lập luận của các nhà lý luận, bất kỳ ai cũng hiểu hành vi “ngược đãi ông bà cha mẹ...” là một hành vi bị pháp luật ngăn cấm rồi, vì liền sau nó là chế tài. Người dân thì lại dễ hiểu lầm rằng đây là qui phạm không có qui định.

Phần chế tài của ví dụ 2 là “thì bị xử phạt cảnh cáo....đến ba năm”. Ai đọc đến đây cũng hiểu rằng phần chế tài ở đây không phải là chế tài cố định như Bộ luật Hồng Đức, ngược lại phạm vi áp dụng chế tài ở đây rất rộng “phạt tù từ ba tháng đến ba năm”. Có người cho rằng phạm vi chế tài rộng như thế, sao tránh được tình trạng tùy tiện, tình trạng “xử kiểu gì cũng được”?

(III) Trao đổi và kiến nghị

Bộ luật Hồng Đức ra đời ở một thời điểm rất xa so với hiện tại, nhiều vấn đề không thể so sánh được, song những giá trị của Bộ luật về kĩ thuật lập pháp thì lại như một hằng số đang liên quan trực tiếp đến những vướng mắc của hiện tại, rất đáng để ta phải suy ngẫm, kế thừa:

1- Việc xây dựng các chế tài cố định trong Bộ luật Hồng Đức ở một chừng mực nhất định rất thuận lợi cho việc áp dụng, và có ưu điểm là tránh được sự tùy tiện trong việc áp dụng. Không nên xây dựng chế tài mà khoảng cách giữa mức thấp nhất và mức cao nhất của chế tài rộng, rất dễ dẫn đến sự tùy tiện trong việc áp dụng. Xây dựng nhà nước pháp quyền thì nguyên tắc “cán bộ, công chức sẽ chỉ được làm những gì mà pháp luật cho phép” phải được tuyệt đối tuân thủ.

2- Pháp luật được đảm bảo thực hiện ngày nay phần quan trọng là ở người dân, nếu vậy luật phải được xây dựng một cách rõ ràng, đầy đủ và cụ thể tất cả các bộ phận (giả định, quy định, chế tài) của quy phạm pháp luật. Có như thế mới tạo điều kiện để toàn thể mọi tầng lớp nhân dân hiểu luật, sống và làm việc theo pháp luật. Cũng nên nghiên cứu và học tập các mô tả tình huống, rồi mở rộng, lường tính tất cả các vấn đề phát sinh trong Bộ luật. Nhà làm luật nên chẳng cần suy nghĩ về các vấn đề phát sinh trong cuộc sống, dự đoán, lường tính các vấn đề phát sinh, chứ không phải là đi sửa chữa về mặt câu chữ theo kiểu “làm văn tập thể” như một Đại biểu quốc hội đã nói trước Quốc hội.

3- Lý giải về vấn đề phương thức diễn đạt “gửi chế tài” hay “qui định ẩn” của pháp luật hiện hành, có quan điểm cho rằng làm như thế là vì “muốn tránh việc lặp lại không cần thiết”. Nếu như theo cách lý giải trên thì tại sao Luật tổ chức Quốc Hội năm 2001 có “quá nhiều việc lặp lại không cần thiết”? Cụ thể như Điều 1 của Luật tổ chức Quốc Hội năm 2001 giống với điều 83 của Hiến pháp nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 (sửa đổi); cũng như thế điều 2 giống với điều 84, điều 6 giống với điều 90, điều 7 giống với điều 91, điều 43 là sự ghép lại của điều 97 và một ý nhỏ thêm vào, một phần điều 49 giống điều 98, 1 phần điều 58 giống điều 99, điều 62 giống điều 86, điều 65 viết lại theo ngôn ngữ khác của 1 phần điều 86, Hay như Luật tổ chức chính phủ năm 2001 cũng như vậy, có quá nhiều điều lặp lại hoàn toàn hoặc 1 phần của Hiến pháp 92 sửa đổi. Đó không phải là lời giải thích thuyết phục. Để tránh việc “lồng ghép” lợi ích của ngành của Bộ cả trong việc trình dự thảo luật lẫn việc ban hành văn bản hướng dẫn, tại sao chúng ta không nghĩ đến một cơ chế hiệu quả hơn thay thế cách làm lâu nay là ngay trong một văn bản luật ta chia làm hai phần: Phần chung và phần riêng. Phần chung chỉ nêu lên những nguyên tắc chung, còn Phần riêng nêu tất cả các tình huống, các vấn đề

phát sinh một cách cụ thể, chi tiết?

Luật của ta hiện nay chủ yếu vẫn là luật khung chứ không phải luật chi tiết. Luật khung tạo cơ hội cho sáng kiến cá nhân phát triển và có khả năng thích ứng cao với những thay đổi trong thực tiễn, nhưng đó cũng chính là thiên đường của sự lạm quyền. Còn luật chi tiết thì hạn chế sự lạm quyền, nhưng lại ít có khả năng thích ứng với thực tiễn thay đổi. Thực trạng “Luật chờ Nghị định, Nghị định chờ Thông tư” hiện nay đã quá phổ biến, làm nảy sinh hiện tượng nhiều vấn đề cụ thể, thậm chí cả vấn đề khó thì dành cho văn bản hướng dẫn thi hành, khó nữa lại đẩy cho cấp thấp hơn. Những người cần đến luật cứ phải ngóng cổ chờ dài và vô tình tiếp tay cho lối tư duy cục bộ ngành, cục bộ Bộ, cục bộ địa phương, dễ cho nhà nước mà khó cho dân . Ngẫm mới thấy, thời nào cũng vậy, Luật càng chi tiết thì người dân càng dễ nắm bắt, dễ nhớ, dễ thuộc, dễ hiểu, dễ vận dụng và thực hiện theo luật. Phải chăng đã đến lúc phải suy nghĩ một cách dũng cảm về việc qui định một cách chi tiết một cách tối đa các vấn đề ngay trong chính văn bản luật?